

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 02/2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
**Về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư
nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2018**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2018;

Xét Tờ trình số 2537/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin thông qua Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2018, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 về Kế hoạch vốn đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2018 (Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND), với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND, nhưng có điều chỉnh tên, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn của một số dự án cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

- Điều chỉnh tên của 01 dự án thuộc Chương trình Tăng cường cơ sở vật chất ngành Y tế (nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết).

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại quyết định số 40/2015/QĐ-TTg: Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn của 09 dự án; bổ sung danh mục, bổ sung kế hoạch vốn 07 dự án; tổng số vốn điều chỉnh tăng, giảm là 36.400 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 09 dự án; bổ sung danh mục, bổ sung kế hoạch vốn 08 dự án; tổng số vốn điều chỉnh tăng, giảm là 38.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 dự án; bổ sung danh mục, bổ sung kế hoạch vốn 20 dự án; tổng số vốn điều chỉnh tăng, giảm là 35.000 triệu đồng.

(Chi tiết điều chỉnh, bổ sung theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THUỘC NGUỒN VỐN NSNN NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2018			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
	TỔNG CỘNG	413.939	413.939	109.400	109.400	
	ĐIỀU CHỈNH TRONG PHẠM VI NGHỊ QUYẾT 15/2017/NQ-HĐND	413.939	413.939	109.400	109.400	
I	Điều chỉnh tên dự án					
1	Cải tạo, nâng cấp Trạm Y tế xã Mỹ Thạnh					Điều chỉnh lại tên dự án cho đúng với tên trong Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư
II	Bổ sung danh mục và điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại quyết định số 40/2015/QĐ-TTg	101.439	101.439	36.400	36.400	
a)	Điều chỉnh kế hoạch vốn	101.439	76.544	11.505	36.400	
1	Dự án CSHT Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Giao Long	8.800	900		7.900	Giảm vốn do khi quyết toán công trình hoàn thành, khối lượng giảm
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (giai đoạn 2)	4.900	200		4.700	Do điều chỉnh quy mô đầu tư, nên chưa hoàn tất thủ tục đầu tư, giảm vốn và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2018			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
3	Trường THCS Huỳnh Tấn Phát, huyện Bình Đại	10.000	200		9.800	Giảm vốn do khi quyết toán công trình hoàn thành, khối lượng giảm
4	Khu ứng dụng công nghệ sinh học Cái Môn, huyện Chợ Lách (giai đoạn 2)	10.000	3.000		7.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân; đang có chủ trương tạm ngưng dự án
5	Trường THCS An Quy	10.000	6.000		4.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	2.500	1.000		1.500	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
7	Dự án đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre	2.500	1.000		1.500	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
8	Dự án HTCS Khu Công nghiệp An Hiệp	1.739	2.844	1.105		Tăng vốn để thanh quyết toán khối lượng hoàn thành
9	Dự án đầu tư xây dựng Nhà làm việc các sở, ngành tỉnh Bến Tre (6 sở)	51.000	61.400	10.400		Tăng vốn để thanh quyết toán khối lượng hoàn thành
b)	Bổ sung danh mục và bổ sung kế hoạch vốn	-	24.895	24.895	-	
1	Trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân tỉnh		2.500	2.500		Thanh quyết toán công trình
2	Dự án CSHT Khu Công nghiệp Giao Long (giai đoạn 2)		6.795	6.795		Thanh quyết toán các hạng mục đang triển khai dở dang
3	Trụ sở UBND xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách		3.600	3.600		Thanh toán khối lượng công trình
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Hải đội II biên phòng		5.000	5.000		Thanh toán khối lượng công trình
5	Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy quân sự và nhà ở dân quân xã, phường, thị trấn		5.000	5.000		Thanh toán khối lượng công trình

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2018			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
6	Cầu Thừa Mỹ trên ĐT.886, huyện Bình Đại		1.000	1.000		Chuẩn bị đầu tư dự án
7	Xây dựng Cầu Phú Long, huyện Châu Thành		1.000	1.000		Chuẩn bị đầu tư dự án
III	Bổ sung danh mục và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	84.500	84.500	38.000	38.000	
a)	Điều chỉnh kế hoạch vốn	84.500	46.500	-	38.000	
1	Xây dựng mặt đường tuyến tránh An Bình Tây - An Đức, huyện Ba Tri	10.000	5.000		5.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
2	Đường vào trung tâm xã Tường Đa	10.000	5.000		5.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
3	Cầu Khánh Hội (liên xã Tiên Long - Tiên Thủy)	9.000	5.000		4.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
4	Đường vành đai ven sông Ba Lai (đường Rạch Gừa)	10.000	5.000		5.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
5	Đường vào trung tâm xã Hưng Nhượng (đoạn từ ĐT.887 đến cầu Hiệp Hưng)	10.500	5.500		5.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
6	Trường TH Phú Túc	10.000	6.000		4.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
7	Trường TH An Thuận	8.000	5.000		3.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
8	Trường TH Hương Mỹ 2	8.000	5.000		3.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
9	Trường THCS Đỗ Hữu Phương	9.000	5.000		4.000	Giảm vốn do chưa có khối lượng giải ngân
b)	Bổ sung danh mục và bổ sung kế hoạch vốn	-	38.000	38.000	-	
1	Cầu Ông Kèo		2.550	2.550		Thanh toán khối lượng công trình

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2018			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre		1.000	1.000		Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
3	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bến Tre		3.000	3.000		Thanh toán khối lượng công trình
4	Hậu cứ đoàn Cải lương		3.000	3.000		Thanh toán khối lượng công trình
5	Dự án đầu tư xây dựng Trường THCS Thành phố Bến Tre		14.450	14.450		Thanh toán khối lượng công trình
6	Trường THPT Phan Văn Trị (giai đoạn 2)		3.000	3.000		Thanh toán khối lượng công trình
7	Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Chuyên Bến Tre (giai đoạn 2) (đầu tư Ký túc xá)		3.000	3.000		Thanh toán khối lượng công trình
8	Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Long Thới - Chợ Lách		8.000	8.000		Thanh toán khối lượng công trình
IV	Bổ sung danh mục và điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn vốn đầu tư từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang	228.000	228.000	35.000	35.000	
a)	Điều chỉnh kế hoạch vốn	228.000	193.000	-	35.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng CSHT Khu công nghiệp Phú Thuận	228.000	193.000		35.000	
b)	Bổ sung danh mục và bổ sung kế hoạch vốn	-	35.000	35.000	-	
1	Dự án Khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Phú Thuận		500	500		Chuẩn bị đầu tư dự án
2	Dự án đầu tư xây dựng Doanh trại PCCC cứu nạn cứu hộ Khu Công nghiệp Giao Long		4.000	4.000		Thanh toán khối lượng công trình
3	Dự án Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bến Tre		3.500	3.500		Thanh toán khối lượng công trình

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2018			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
4	Đề án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên					
	<i>Trường TH Bình Khánh Đông</i>		1.000	1.000		<i>Thanh toán khối lượng công trình hoàn thành</i>
5	Tăng cường CSVC ngành giáo dục và đào tạo, lồng ghép hỗ trợ Chương trình nông thôn mới			-		
	Huyện Giồng Trôm					
	<i>Trường THCS Sơn Phú</i>		3.000	3.000		<i>Triển khai thực hiện dự án</i>
	Huyện Ba Tri			-		
	<i>Trường MG Mỹ Hòa</i>		1.500	1.500		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>
	<i>Trường TH Mỹ Hòa</i>		1.500	1.500		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>
	<i>Trường THCS Mỹ Hòa</i>		3.000	3.000		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>
	Huyện Mỏ Cày Nam			-		
	<i>Trường THCS An Thới</i>		1.000	1.000		<i>Thanh toán khối lượng công trình hoàn thành</i>
	Huyện Mỏ Cày Bắc			-		
	<i>Trường MN Tân Thanh Tây</i>		4.000	4.000		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>
	<i>Trường Tiểu học Tân Thanh Tây</i>		1.500	1.500		<i>Thanh toán khối lượng công trình hoàn thành</i>
	<i>Trường THCS Tân Thanh Tây</i>		2.000	2.000		<i>Thanh toán khối lượng công trình hoàn thành</i>
	Huyện Chợ Lách					
	<i>Trường Tiểu học Tân Thiêng A</i>		3.000	3.000		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>
	<i>Trường Mẫu giáo Long Thới</i>		1.500	1.500		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>
	<i>Trường Trung học cơ sở Long Thới</i>		1.500	1.500		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2018	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2018			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
6	Tăng cường CSVC ngành Y tế, lồng ghép hỗ trợ Chương trình nông thôn mới				-	
	<i>Trạm Y tế xã Vĩnh Hòa</i>		<i>500</i>	<i>500</i>		<i>Thanh quyết toán công trình</i>
	<i>Trạm Y tế thị trấn Bình Đại</i>		<i>500</i>	<i>500</i>		<i>Thanh quyết toán công trình</i>
	<i>Trạm Y tế xã Mỹ An</i>		<i>500</i>	<i>500</i>		<i>Thanh quyết toán công trình</i>
	<i>Phòng khám ĐKKV xã Tân Phong</i>		<i>500</i>	<i>500</i>		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>
	<i>Phòng khám ĐKKV xã Tân Hòa</i>		<i>500</i>	<i>500</i>		<i>Thanh toán khối lượng công trình</i>

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo